CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco

Ngày 30/09/2024	68,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.0%	**11.9%**	**12.8%**

DT thuần
Q3/24
448
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.0| -3.0%
YoY: ▲ 3.00| 0.7%

LN thuần
Q3/24
38.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.6| -39.7%
YoY: ▼15.6| -28.7%

LN sau thuế
Q3/24
32.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.3| -37.1%
YoY: ▼11.8| -26.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
9.1%
YoY: +/-▼ 5.0%

ROE (TTM)
Q3/24
12.3%
YoY: +/-▼ 1.1%

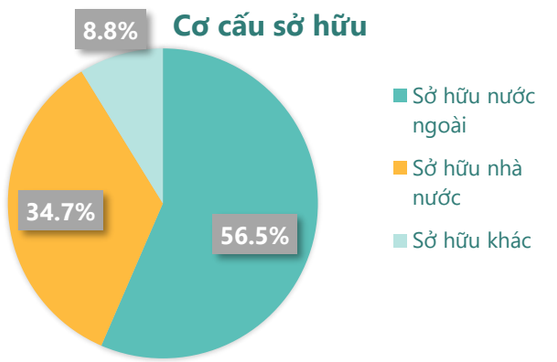
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	53,036 - 70,393
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,361
Số lượng CPLH (CP)	34,727,465
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,660
Sở hữu nước ngoài	56.5%
Beta	0.15
EPS	5,289
P/E	12.9

DT thuần
9T 2024
1,329
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 79.0| 6.3%

LN thuần
9T 2024
154
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.00| 1.0%

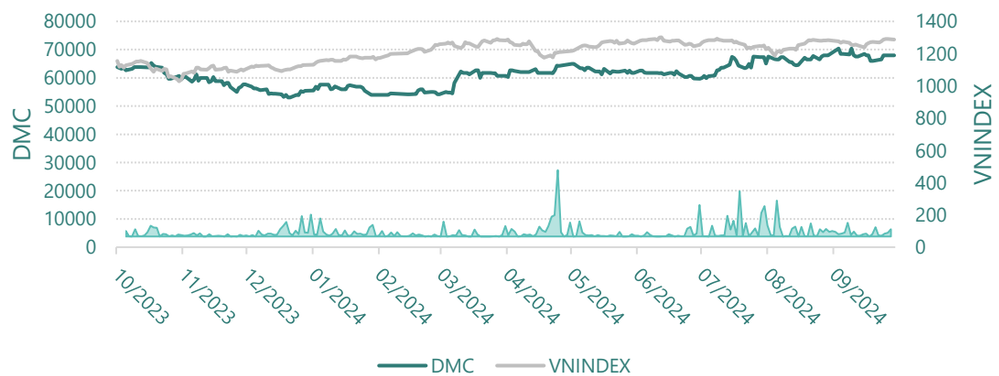
LN sau thuế
9T 2024
126
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 0.4%

Cơ cấu sở hữu

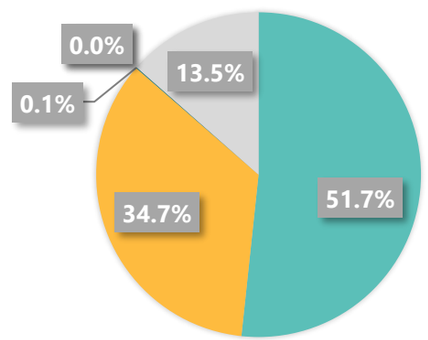


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

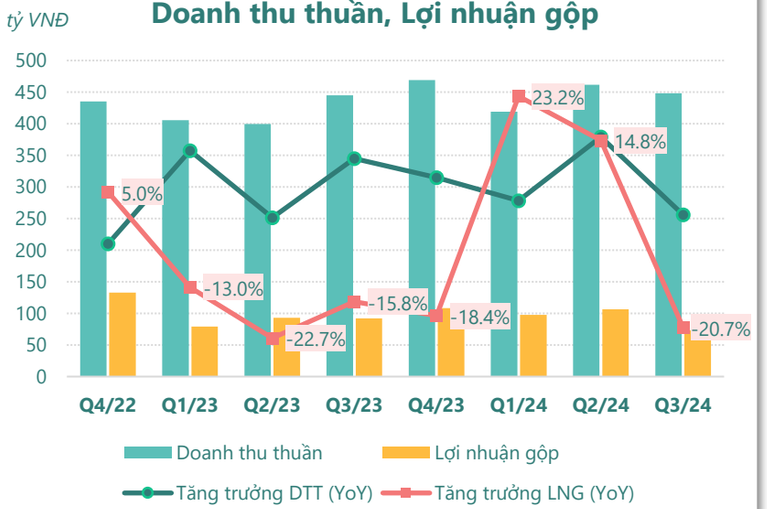


- Abbott Laboratories (Chile) Holdco SpA
- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
- Phạm Ngọc Tuyền (Kế toán trưởng)
- Nguyễn Phi Thức (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Mai Trâm
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

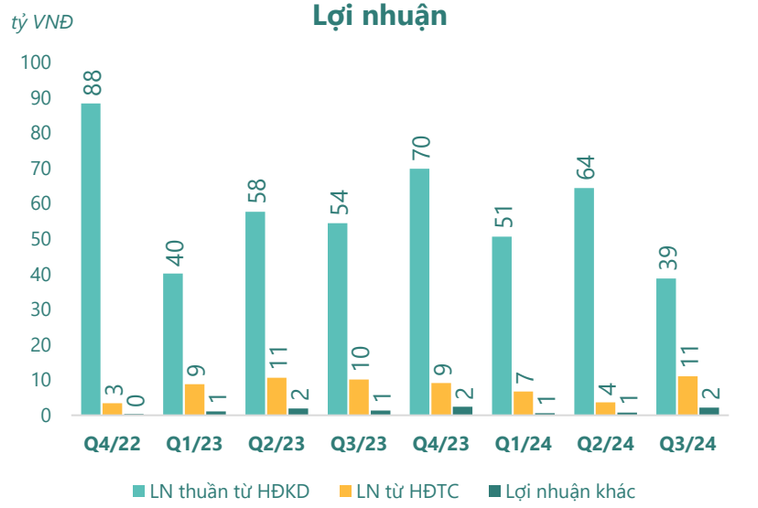
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



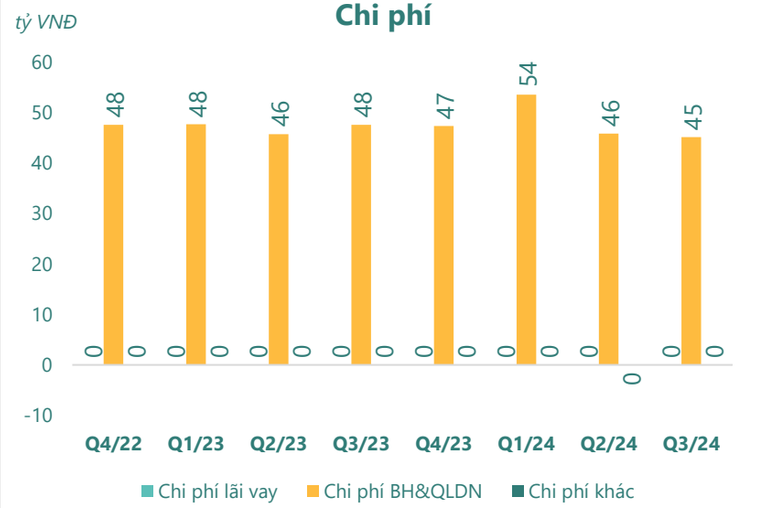
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



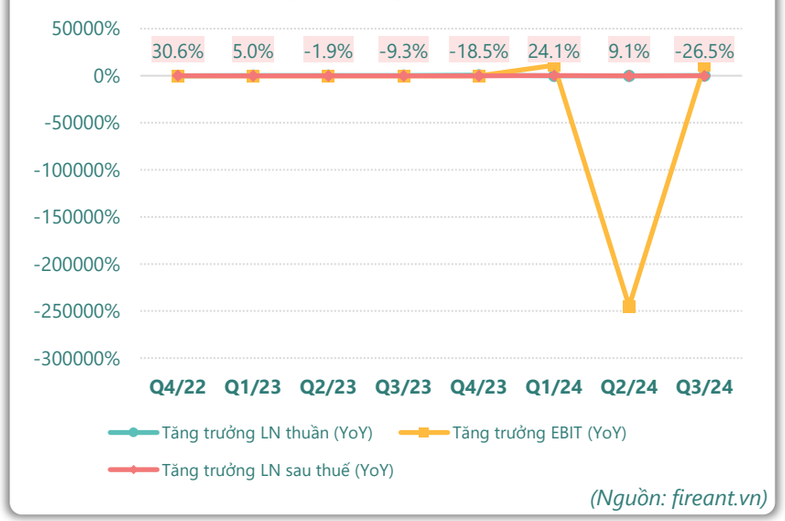
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



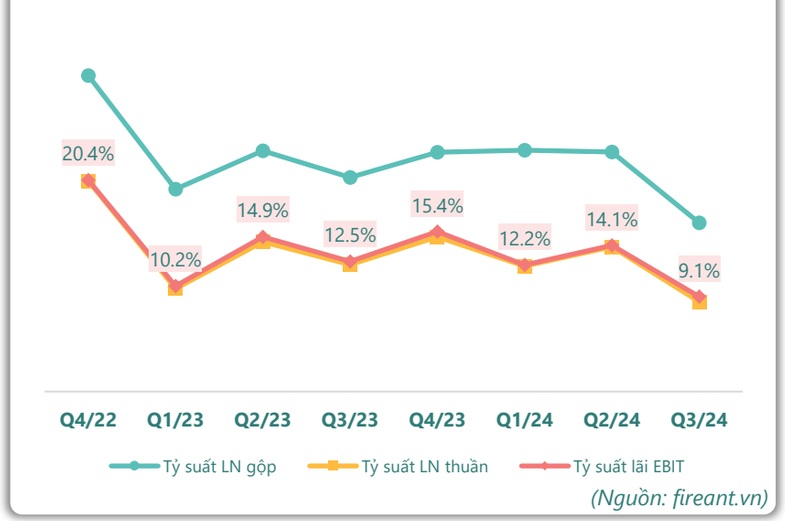
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

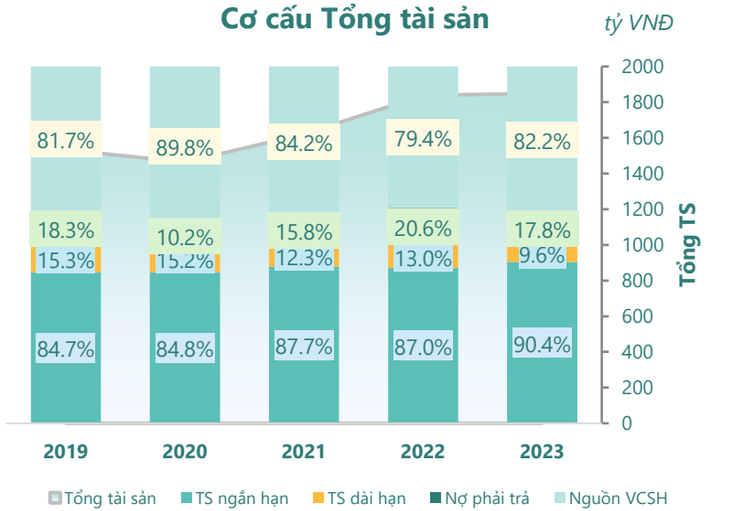
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

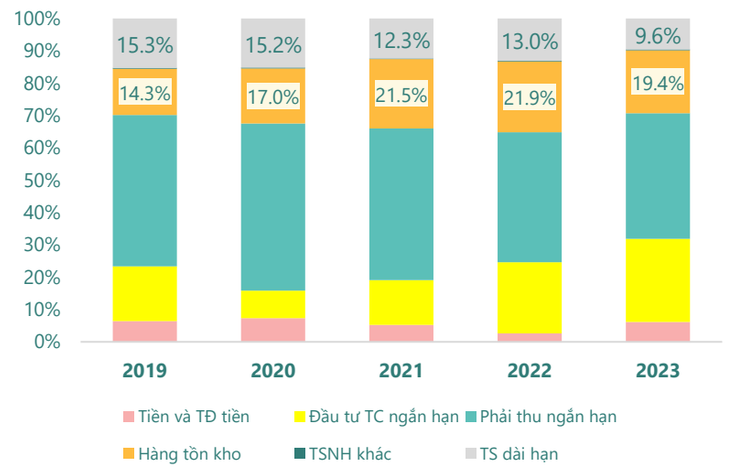
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



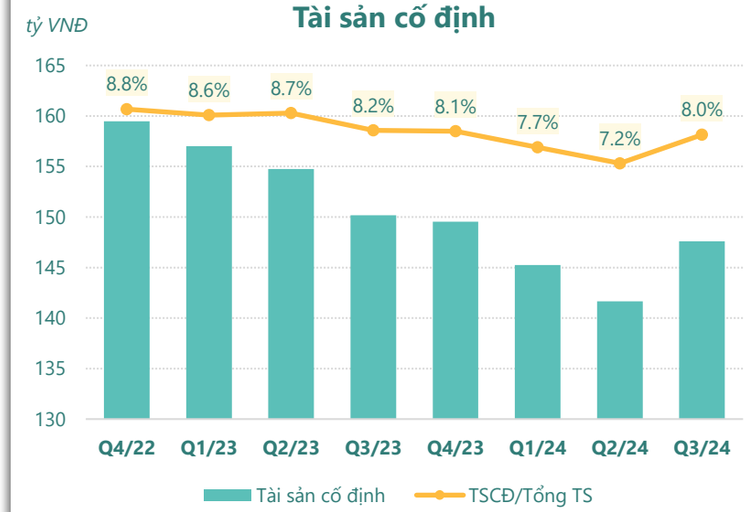
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



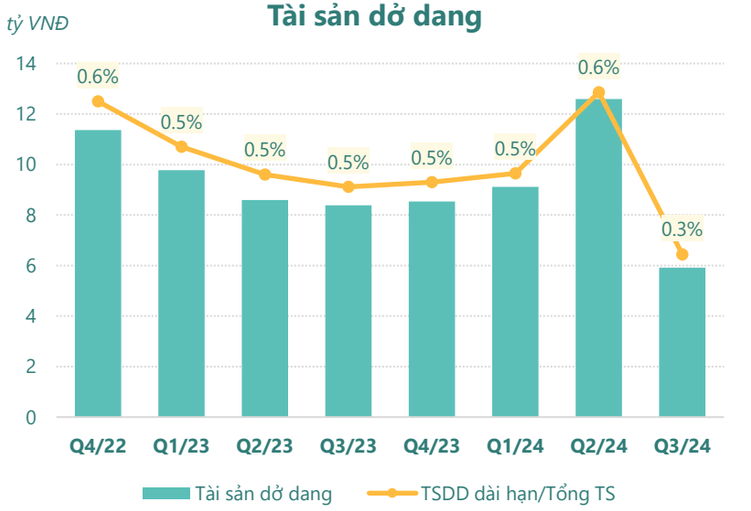
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



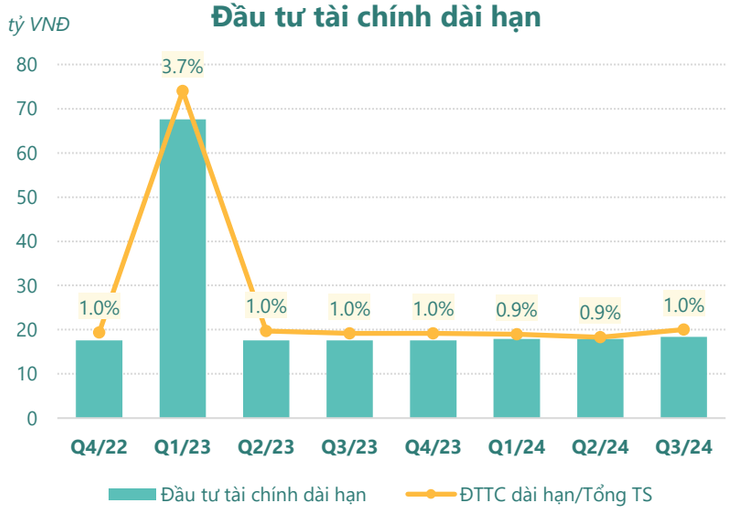
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



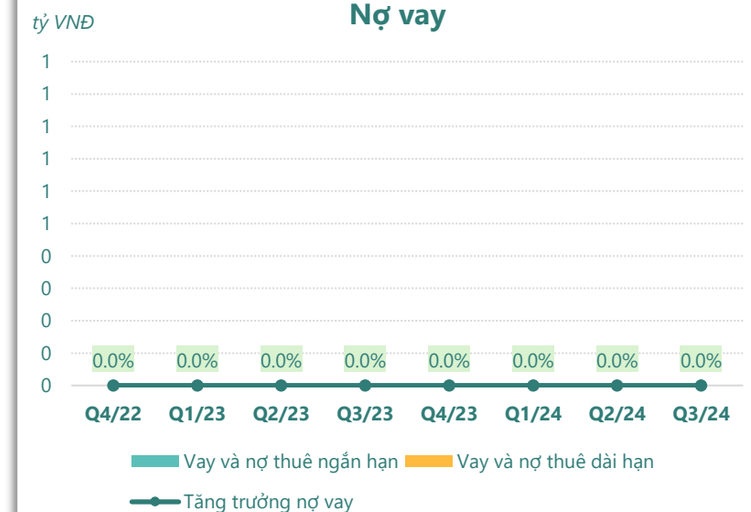
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

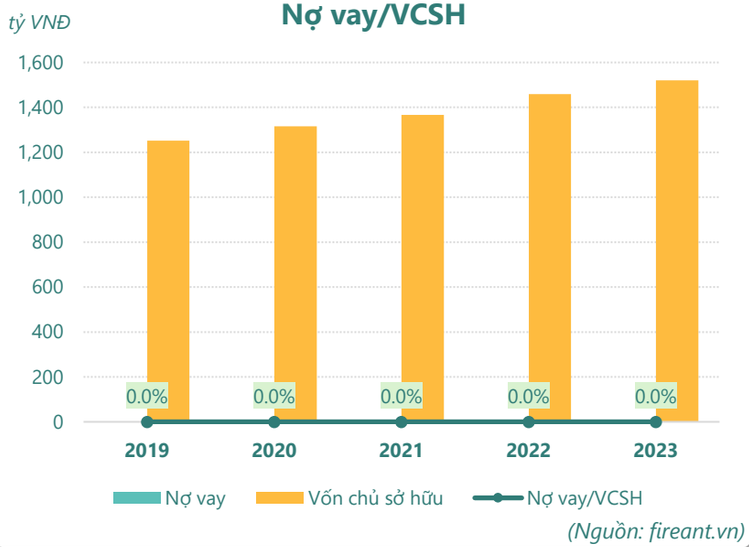
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

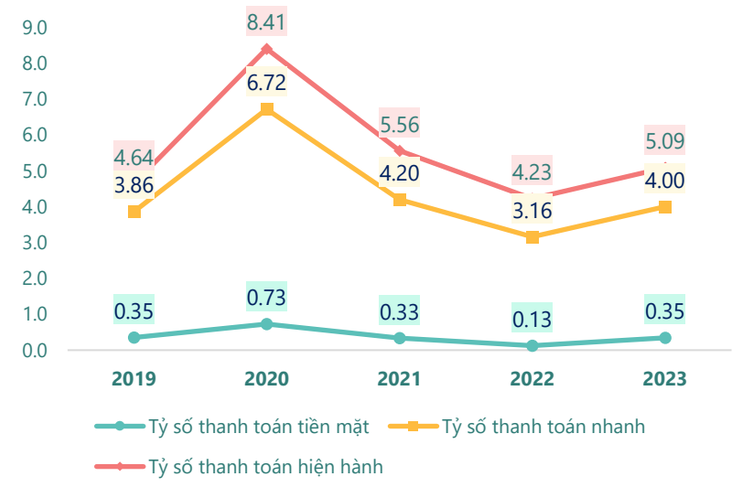
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



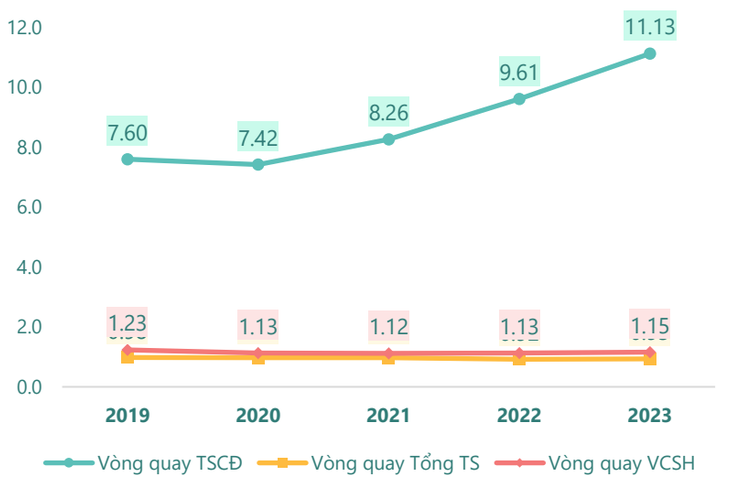
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



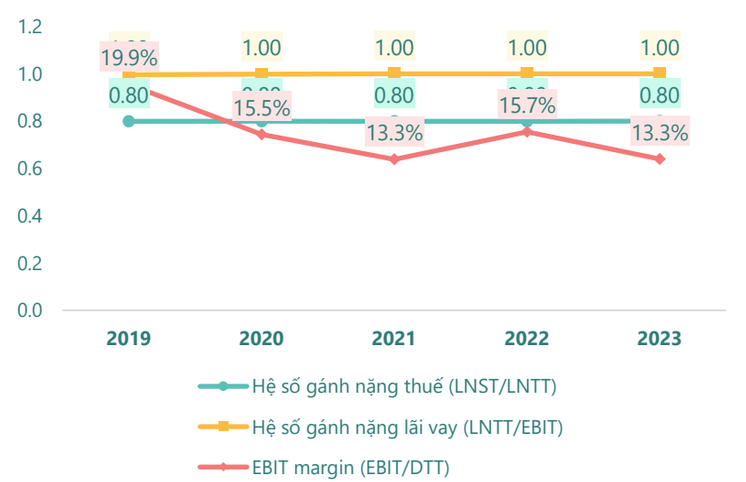
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



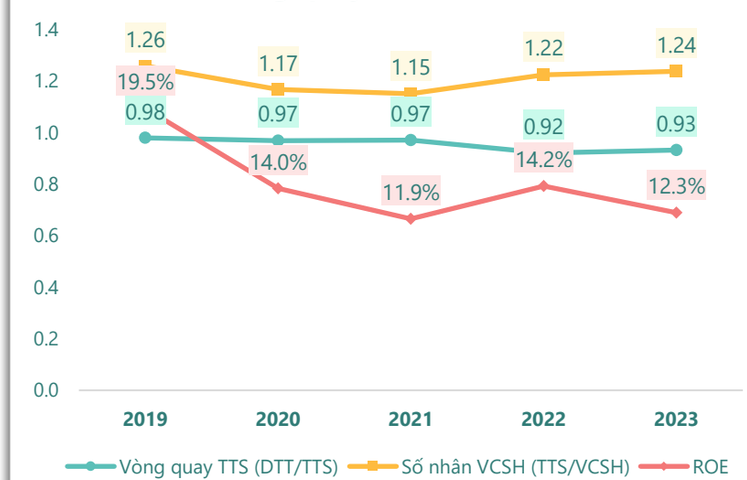
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



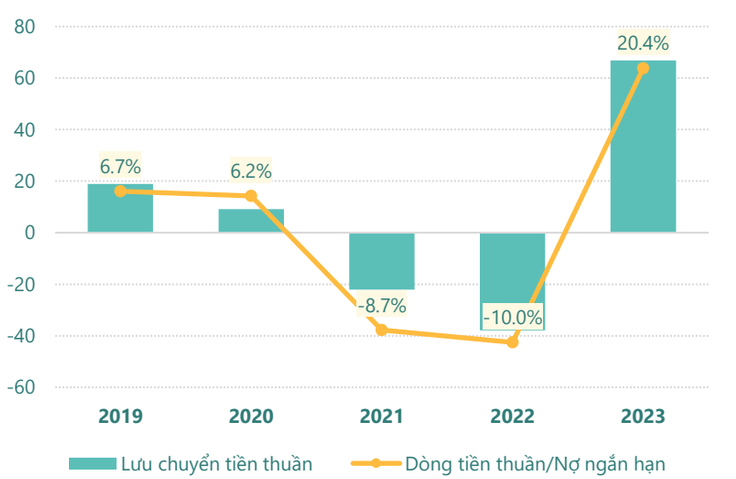
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**448**	**445**	**0.7%**	**1,329**	**1,250**	**6.3%**
Giá vốn hàng bán	375	353	6.3%	1,052	986	6.7%
Lợi nhuận gộp	72.9	91.9	-20.7%	277	264	5.0%
Doanh thu HĐTC	11.3	11.7	-3.6%	26.4	33.4	-20.9%
Chi phí TC	0.19	1.50	-87.1%	4.94	3.81	29.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	26.5	28.9	-8.3%	86.3	83.4	3.5%
Chi phí QLDN	**18.7**	**18.7**	**-0.1%**	**58.4**	**57.7**	**1.1%**
LN thuần từ HĐKD	38.8	54.4	-28.7%	154	152	1.0%
Lợi nhuận khác	**2.19**	**1.34**	**63.1%**	**3.48**	**4.36**	**-20.2%**
LN trước thuế	41.0	55.8	-26.5%	157	157	0.4%
Lợi nhuận sau thuế	**32.8**	**44.6**	**-26.5%**	**126**	**125**	**0.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**32.8**	**44.6**	**-26.5%**	**126**	**125**	**0.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	33.2	50.3	75.2	5.27	-23.8	-68.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.6	-14.4	33.0	-58.2	6.23	125
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-86.8	0	0	0
Tiền đầu kỳ	38.3	52.0	87.8	114	61.5	43.9
Lưu chuyển tiền thuần	**13.6**	**35.9**	**21.5**	**-52.9**	**-17.6**	**57.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.03	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	52.0	87.8	109	61.5	43.9	101

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,835**	**1,849**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,661	1,671	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	101	114	-11.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	420	475	-11.6%
Phải thu ngắn hạn	746	719	3.8%
Hàng tồn kho	389	359	8.6%
Tài sản ngắn hạn khác	4.36	4.73	-7.9%
Tài sản dài hạn	**174**	**178**	**-2.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	148	150	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.91	8.54	-30.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.4	17.9	2.5%
Tài sản dài hạn khác	**2.02**	**1.71**	**18.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	299	329	-9.0%
Nợ ngắn hạn	**299**	**328**	**-9.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	163	279	-41.5%
Nợ dài hạn	0.43	0.38	13.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,536**	**1,521**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,536**	**1,521**	**1.0%**
Vốn điều lệ	347	347	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)